Gung ái-quôc công-giáo...

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

. Gung ái-quôc công-giáo.... 1945.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

MỘT

GƯƠNG ÁI-QUỐC CÔNG-GIÁO

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° E. 255

Doubl V.
16°

THANH-NIÊN TUNG-THU

1522

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

GƯƠNG ÁI-QUỐC CÔNG-GIÁO

Hỏi sách này tại :

Báo-Quán **THANH-NIÊN**

341 Phố Định-Hậu — Nam-Định

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No

GƯƠNG ÁI-QUỐC
CÔNG-GIÁO

Nhà Chiến-Sỹ Công-Giáo
ÂU-CƠ-NINH
Chiến-đấu cho nền độc lập
Ái-Nhĩ-Lan, là tấm gương
sáng-lạn cho Thanh-Niên
Công-Giáo Việt-Nam
trong thời gây dựng nền
độc-lập quốc-gia.

THANH-NIÊN TÙNG-THƯ

16° Indoch.
1522

Lời nói đầu

Tập truyện-ký này sẽ được cái may mắn và vinh dự ra đời trong một bầu không khí độc-lập tưng bừng say sưa, dưới bóng cờ độc lập phất-phới trong không-trung rực-rỡ, đang lúc toàn thể quốc dân Đại-Việt nức lòng hoan hỉ trước cái tương-lai chứa chan hy-vọng.

Vị anh hùng cứu quốc Công-giáo mà những trang sách này sẽ nhắc lại cái sự nghiệp vẻ vang, thật không thể ra mắt với quốc dân ta vào một lúc nào hợp thời cho bằng lúc này vậy.

Sống trong một nước nhỏ yếu là nước Ái trải qua bao nhiêu thế kỷ bị áp chế dưới bàn tay sắt một cường quốc lân bang là nước Anh bị đè nén thiệt thòi, chịu mọi nỗi bất công về tất cả các phương diện: Xã hội, chính trị, tôn giáo, nhà chí-sĩ Công-giáo này đã đem cả cuộc đời mình mà tận-tụy hy-sinh vào việc giải phóng quốc gia, khôi phục lấy quyền tự do, tự chủ cho đồng bào. Với cái tài hùng-biện dũng mãnh, với cái chí kiên nhẫn cương quyết đi cho đến mục đích, ngài đã luôn luôn vận-động, luôn luôn tổ chức, luôn luôn hô hào kích thích quốc dân phấn đấu để chiếm lấy một đời xứng đáng với cái phẩm giá một con người, một quốc gia. Ngài đã đạt được những kết quả rực-rỡ, và chính nhờ những chiến công oanh liệt của Ngài mà,

NHÀ CHIẾN-SĨ CÔNG-GIÁO
ÂU-CƠ-NINH

Tình hình xứ Ái-nhĩ-lan

Cuộc đời của Âu-Cơ-Ninh, một đời có liên-lạc mật thiết với lịch-sử nước Ái-nhĩ-lan, hồi đầu thế-kỷ thứ 19, trong cuộc chiến đấu mãnh-liệt để khôi phục lấy quyền độc lập quốc gia và tự-do tín ngưỡng, mới kết liễu vào đầu thế-kỷ 20 này mà thôi. Tuy vị chiến-sĩ này lúc nhắm mắt, chưa được thấy cái kết quả hoàn toàn của sự cố gắng cả đời mình, nhưng sự nghiệp lập được cũng đã đủ cho đồng-bào tặng cho cái danh hiệu rực rỡ là anh hùng cứu quốc.

Vậy nên muốn hiểu rõ thân thế và sự-nghiệp Âu-Cơ-Ninh, ta cần phải xét qua tình hình xứ Ái-nhĩ-lan vào đầu thế kỷ trước, là lúc Âu-Cơ-Ninh khởi sự hành động chiến đấu.

Ái-nhĩ-lan là một hòn đảo về phía tây nước Anh-cát-lợi, đã bị nước này chinh phục từ thế kỷ thứ 12 mãi cho đến năm 1920 mới khôi phục được quyền tự trị, nhưng vẫn thuộc về Anh đế quốc. Dân Ái không thuộc về một chủng tộc với dân Anh, họ dòng dõi giống Celte, đã được truyền giáo và theo Công-giáo từ thời trung-cổ. Dân này có cái đặc điểm

là rất sùng mộ đạo Công-giáo, nên xứ họ đã được cái tên là «hòn đảo các thánh»; và đến thế kỷ thứ 16, khi gần cả toàn quốc dân Anh theo Phản-giáo, thì dân Ái vẫn khăng khăng giữ đạo Công giáo với một lòng trung-thành rất đáng kính phục. Ấy cũng là một duyên cớ đã làm cho dân Ái phải chịu một quyền áp chế ức hiếp, thật ít thấy trong lịch sử các nước văn minh.

Dân Ái là một dân nhỏ và yếu với số 4 triệu người lại ở gần một cường quốc như nước Anh, tất nhiên là bị chinh phục, cũng như nước ta với Trung-quốc về trước ; nhưng lại thêm cái hiềm là khác đạo nên đã bị dân Anh áp bức một cách tàn ác.

Từ giữa thế kỷ thứ 17, sau một cuộc phản động kịch-liệt, dân Ái đã phải chịu phục tòng dưới một pháp-chế hà khốc, cay nghiệt mà chính một nhà sử-học phản-giáo, người Anh, ông Burke, cũng phải bình phẩm một cách nghiêm khắc rằng : " Cái chế độ ấy có một cái đặc điểm đê tiện khả ố. Nó là một chính thể hoàn toàn, có liên-lạc, đúng lý luận trong tất cả mọi bộ phận. Thật là một bộ máy tinh-xảo tuyệt-bực mà từ xưa tới nay cái óc giàu tà ác nghiệp loài người đã tạo ra được để mà hà hiếp, bóc lột, xỉ nhục một dân tộc, và làm cho cái nhân phẩm cũng phải hèn mạt đi nữa ".

Lời bình phẩm này, mới nghe, ta có thể cho là quá đáng, song cứ xem qua những điều khoản trong cái pháp-chế tàn ác ấy, ta sẽ phải nhận rằng lời nói ấy thật là đích đáng vậy. Sau đây là những điều khoản trích trong bản điều trần mà chính mình Âu-Cơ-Ninh đã soạn và đệ lên Hoàng-Hậu Vich-tô-ra, ngày 1 tháng 1, năm 1843.

Về tài sản thì pháp-luật chế-định cho dân Ái theo đạo Công-Giáo những khoản sau này :

“ Hễ một người Công-giáo tậu đất ruộng bằng tiền thì bất kỳ người Phản Giáo nào cũng được quyền chiếm lấy đất ruộng ấy mà dùng, không cần phải trả một đồng xu ”.

“ Hễ một người Công-giáo được đất ruộng, hoặc vì kết hôn, hoặc là vì ai nhượng cho, hoặc hưởng phần gia-sản của họ hàng hay bạn hữu, thì cứ chiếu theo pháp luật, mỗi người Phản Giáo có thể chiếm lấy đất ruộng ấy mà hưởng dụng.»

“ Hễ một người Công-giáo có một con ngựa đáng giá hơn năm đồng tiền Anh, thì bất kỳ người Phản giáo nào cũng có quyền chiếm lấy con ngựa, mà chỉ trả 5 đồng mà thôi, dầu ngựa ấy đáng giá 50, 100 đồng, hay hơn nữa ”.

“ Hễ người Công-giáo có con ngựa đáng giá hơn 5 đồng mà đem giấu không cho một người Phản Giáo thấy, thế là có tội trước pháp luật và có thể bị bỏ tù ba tháng và phạt tiền bằng ba giá con ngựa ấy nữa ”.

Lương tâm ta thật phải uất lên, khi thấy những điều bất công bất chính mà dân Ái phải chịu về tài sản ; nhưng cũng chưa bằng khi thấy cái pháp luật dã-man ấy nó chen vào giữa những phần tử của gia-thất người Công-giáo để đem mối chia rẽ phản loạn vào nơi thâm kín yêu đương ấy. Thì đây, vẫn theo bản điều trần của Âu-Cơ-Ninh.

“ Nếu con dầu lòng người Công-giáo nhận theo Phản-giáo, tức thì được mọi quyền sở hữu trên

đất ruộng tài-sản của cha mình, và người cha chỉ còn làm tá điền c o nó, và không được phép bán hay nhượng đất ấy đi nữa ".

" Nếu vợ người Công-giáo nhận theo Phản giáo, thì cứ theo pháp luật, được quyền chẳng những là bắt buộc người chồng phải cung phụng cho nhà cửa, ăn ở riêng, mà lại được quyền nuôi giữ con cái nữa ".

Ấy là về mặt tài sản. Về phương diện chính-trị, về tư-quyền, dân-quyền, tất nhiên người Công-giáo cũng phải chịu mọi nỗi thiệt thòi. Chẳng những không được nhậm một chức trách, phẩm hàm gì trong chính phủ, mà lại muốn vào lục-quân hay h i-quân làm một chân lính cũng không được nữa. Vậy nhưng hễ khi nào nước Anh có việc binh đao cũng vẫn phải mộ đi giúp quân Anh. Chẳng những không có phép làm quan tòa, thầy kiện, hay chỉ làm một tên lính tuần phiên, mà lại còn chẳng được pháp luật bảo-đảm cho tính mệnh hay quyền tự-do mình nữa. Những điều bất công này không những người Công-giáo, mà đến một người Phản giáo, hoặc lấy vợ Công-giáo, hoặc có con theo học đạo Công-giáo, mặc dầu nghịch ý mình đi nữa cũng phải chịu.

Có lẽ ta tưởng rằng đã phải chịu bao nhiêu nỗi oan ức như thế, người Công-giáo ít nữa cũng được tự-do giữ đạo, nghe giảng dạy và giáo-dục con cái trong tôn giáo mình. Nhưng không, pháp luật về mặt này lại còn ác nghiệt hơn nữa bội phần :

« Làm việc truyền giáo là một trọng tội, phải phạt đi đày ; làm cho một người Phản

giáo trở lại đạo là một trọng tội phải hình phạt bằng tội đại nghịch. »

« Làm thầy tu, thầy dòng thì phải phạt đi dầy, nếu trở về xứ sở thì phạm vào tội đại-nghịch.

« Làm tổng lãnh giám-mục, làm giám-mục, hay giữ chức trách gì trong Hội-giáo Ái-nhĩ-Lan thì phải đi dày. Nếu về xứ sở thì phạm tội đại nghịch, phải lên án chết treo, mổ bụng và phân thây»

Ngoài việc truyền giáo, đến việc học hành, người công giáo cũng phải chịu bắt bớ nhiều nỗi nữa :

« Người công giáo mở trường dạy văn-chương khoa-học, thì phải hình đi đày hay chết treo.»

« Người công-giáo, dầu người lớn hay trẻ con đi học một trường của một người công giáo, thì bị tịch biên gia-sản hiện có hay sẽ được sau nữa.

« Mấy người công-giáo đi du-học ngoại quốc cùng mọi người cho họ tiền đi du-học cũng bị tịch biên gia sản » . . .

Ấy là cái tình trạng ức hiếp đè trên dân Ái, thật không kém gì thời kỳ bắt đạo ở xứ ta vậy. Trải qua mấy thế kỷ, người công giáo Ái đã phải sống một đời khủng hoảng dưới cái chế độ dã man ấy. Tuy cũng có kẻ ngã lòng bỏ đạo, song rất ít ; phần đại đa số vẫn giữ một lòng trung thành cùng Chúa, cùng Hội-Thánh, mặc dầu mọi nỗi oan ức khốn khổ. Thỉnh thoảng cũng có nổi lên phản kháng, nhưng vì thế yếu, không vứt bỏ được cái ách nặng nề ấy. Đến thế kỷ

thứ 19, Chúa cho một vị anh-hùng, cứu quốc nổi dậy, ra tay chiến đấu, mới ra khỏi được chỗ lầm than cơ cực. Vị anh hùng cứu quốc ấy là Âu-Cơ-Ninh.

Thơ Ấu

Âu-Cơ-Ninh sinh ngày mồng sáu, tháng tám, năm 1775, trong quận Kerry, gần thành Cahirsiveen là chỗ họ Âu-Cơ-Ninh có một miếng đất nhỏ gọi là Glancarra vì ở giữa miền núi, đường xá cheo leo hiểm trở, nên đã khỏi bị người Phản giáo chiếm cứ.

Người cha là Morgan Âu-Cơ-Ninh thuộc về một quí tộc rất cổ đã tự phụ có người làm vua xứ Ái-nhĩ-lan trong thời phong-kiến. Mọi người trong họ này hầu hết đều một lòng trung-tín giữ đạo Công-giáo, và lắm người đã lập được công danh rực rỡ, như Maurice Âu-Cơ Ninh làm đến chức tư-lệnh trong đạo binh vua Jacques II và Âu-Cơ-Ninh, làm thiếu tướng trong lữ đoàn binh Ái phò nhà vua nước Pháp, mãi đến năm 1792 mới bị cuộc cách-mệnh Pháp bãi bỏ.

Bà mẹ là Kati Ơ Mullane cũng thuộc về một gia-tộc Công-giáo chính tông, thanh-bạch về tài sản nhưng rất giầu về nhân đức. Âu-Cơ-Ninh lúc trở về già, có dịp nói đến bà mẹ mình, khen rằng : « Tôi may được làm con một hiền-mẫu đã tận tụy coi sóc dạy dỗ trong kỳ thơ ấu. Mẹ tôi là người có chí khí cao thượng và cũng nhờ bà mà tôi đã được nên như bây giờ. Chẳng phải là khoe khoang tôi dám quyết rằng cái địa

vị cao quý mà các đồng bào đã đặt tôi lên, ấy chính là nhờ công ơn mẹ tôi mà tôi đã được. Khi lâm chung, mẹ tôi có chúc cho tôi mọi ơn phước lành, và từ đó tôi đã lấy lời chúc này làm một ơn trọng. Trải qua bao nhiêu nỗi gian nan trong cuộc đời tôi, tôi vẫn coi lời di chúc ấy như cái mộc thuẫn đỡ che cho tôi, và đã đem lại cho tôi nhiều hạnh phúc hơn là mọi sự sung sướng đời này. »

Một người nữa đã có ảnh hưởng đến tuổi thơ ấu của Âu-Cơ-Ninh, là người bác tên là Maurice ; nguyên cũng có ít tài-sản, mà lại không con nên mới xin một đứa cháu về nuôi. Thế là Âu-Cơ-Ninh theo bác về ở Darrynane, cũng là một xóm rất hẻo lánh trong quận Kerry mà ít người biết đến.

Chính ở Darrynane, tại nhà bác mà Âu-Cơ-Ninh bắt đầu hấp thụ một nền giáo dục rất có ảnh hưởng đến chí hướng cuộc đời mình sau này.

Vị linh-mục thứ nhứt làm cha giải tội cho Âu-Cơ-Ninh là một cha dòng, tên là Grady, đã nếm mùi bắt bớ, gần tử vì đạo và đã thoát khỏi một cách bất ngờ. Nguyên ngài đã phải tuân theo pháp-luật nói trên này mà xuất dương đi ở trên lục-địa được ít lâu ; sau nhớ quê cha đất tổ mới lần về Ái-nhĩ-lan. Mới về chưa được ít lâu thì bị bắt và bị tố cáo là linh-mục công-giáo. Cũng may gặp một ông quan toà nhân-hậu, không muốn phải thi hành cái pháp luật ức-hiếp, nên mới kiếm cớ để tha cho bị-cáo. Hiềm một nỗi là có nhiều chứng cớ, lại một người làm chứng khai rằng chính mình đã nghe vị linh-mục này đọc kinh làm lễ Mi-sa.

— Anh đã nghe đích xác đấy chứ ? quan toà hỏi.

— Thưa vâng.

— Anh đã nghe đọc bằng tiếng la-tinh ?

— Thưa chính thế.

— Thế thì anh hiểu tiếng la-tinh phải không ?

— Dạ thưa cũng hiểu được đôi chút.

— Vậy lúc anh nghe, thì nghe được những gì ?

— Thưa nghe được câu *Ave Maria.*

— Câu ấy ở trong kinh *Lậy Cha*, phải không ?

— Dạ thưa phải.

Thế rồi quan toà kết luận.

— Mấy anh này ăn nói vu-vơ thế này, *Ave Maria* mà lại trong kinh *Lậy Cha* thì còn tin thế nào được nữa ?

Và cha Grady được trắng án.

Thầy giáo đầu tiên dạy vỡ lòng cho Âu-Cơ-Ninh cũng là một kẻ phải sống một đời long đong vì pháp-luật bắt bớ. Nguyên vì người công-giáo không được phép mở trường dạy học, như đã nói trên, lại bổn đạo không muốn cho con đi học trường Phản-giáo sợ mất đức-tin nên mới có một hạng thầy giáo gọi là thầy giáo bờ-rào (hedge-schoolmasters) là những người công-giáo hy-sinh đời mình, đi lang-thang nay đây mai đó, tụ họp từng nhóm con trẻ công-giáo, dạy cho biết đánh vần, biết đọc, biết viết cho khỏi cái nạn ngu dốt. Ấy chính nhờ một thầy giáo « hàng rào » ngày kia đến Darrynane ở nhà bác Maurice mà Âu-Cơ-Ninh đã được bước những bước đầu tiên trên con đường trí thức vậy.

Sau đây, khi đến thì phải chọn đường để ra hoạt động trên đời, chắc rằng Âu-Cơ-Ninh đã nhiều lần phải nhớ đến hai vị ân-nhân buổi ban sơ này, và hình ảnh hai kẻ phải chịu mọi nỗi khó khăn cho được làm thiện đã chẳng phải là vô ảnh-hưởng

đến chí quyết-định của Âu-Cơ-Ninh ra chiến đấu cho bổn đạo được quyền tự do mà theo tôn-giáo mình.

Ngay tự lúc này, cái chí công danh, cái khiếu hoạt động của vị tiểu anh hùng này đã từng phát lộ một cách rõ rệt. Nguyên bác Maurice thường đọc báo « Dublin Magazine » lúc ấy đương đăng tiểu sử các vị danh nhân có cả chân dung kèm theo nữa. Cậu bé Âu-Cơ-Ninh rất ưa ngắm những ảnh này trong báo và nói rằng: «Tôi ước ao làm sao cho được có chân dung trên tờ Dublin Magazine sau này!» Cái hoài vọng này đã thực-hiện ngay năm 1810, khi ấy Âu-Cơ-Ninh ba mươi lăm tuổi và đã tiếng tăm lừng lẫy.

Lần khác trong một bữa tiệc, đang khi người lớn bàn tán về giá trị những kẻ cầm quyền đương thời, cậu Âu-Cơ-Ninh rất chăm chú nghe rồi bỗng đăm-đăm cặp mắt như «trầm tư mặc tưởng» làm một bà khách phải lấy làm lạ mà hỏi rằng : «Gớm cậu Đan làm gì mà nghĩ ngợi thế ?» Cậu bé mới chín tuổi như giật mình trả lời rằng : « Tôi cũng muốn nổi tiếng trên đời sau này. » Cái chí kinh doanh ấy đã đem lại cho Âu-Cơ-Ninh một lòng hiếu học ít thấy ở bọn đồng nhi. Cậu rất ham đọc sách, nhất là cuốn sách : «Cuộc lữ hành của nhà thám hiểm Cook quanh thế giới» đã lắm khi làm cậu bỏ cả chơi đùa, chúng bạn. Cậu lại rất ưa học thuộc lòng những bài ca-dao quốc-gia, thường hát trong những cuộc hội họp ở xứ Ái-nhĩ-lan, và sau này lớn lên, vẫn còn ưa hát.

Cậu học sinh

Cái chí kinh doanh, cái lòng hiếu học này, đều lúc đi học nhà trường, Âu-Cơ-Ninh vẫn giữ luôn và nhờ đó mà thắng được tính lười biếng thường tình của tuổi trẻ, và hơn được anh em chúng bạn.

Nguyên là vì cuối thế kỷ thứ 18, nước Anh đương lâm vào cuộc binh đao, chiến tranh với các thuộc địa Bắc Mỹ, đã trở giáo, phản kháng «mẫu quốc» để chiếm lấy quyền tự trị, nên lại cầu đến dân Ái trợ giúp trong lục quân và hải quân, để chống cự với nước Pháp là đồng minh của Mỹ. Chính phủ Anh thấy cần phải lấy lòng dân Ái, nên đã châm chước, giảm nhẹ cái pháp-luật hà-hiếp, và nhượng bộ cho ít lợi quyền ; vì thế mà người công-giáo đã được phép mở trường dạy học.

Âu-Cơ-Ninh khi ấy mới 13 tuổi được gửi đi Long-Island gần thành Cork, theo học trường của cha Harrington mới mở. Về thời kỳ này Âu-Cơ-Ninh có giữ được một kí ức, sau này thường hay nhắc lại những lúc nói chuyện về quá khứ :

«Trong tất cả anh em bạn học, chỉ có một mình tôi là không khi nào bị đòn cả ; nhưng cũng tại tôi đã làm hết sức cho khỏi bị phạt. Tính lười biếng của tôi bị cái chí ganh đua và cái sợ bị phạt đàn áp mà mất đi. Tôi bao giờ cũng muốn vượt qua chúng bạn và không khi nào bị thua kém. Một hôm vì làm biếng, không thuộc bài, tôi phải thày giáo đe đánh đòn. Tôi tức rực cả người lên, và xin rằng : «Thày cho tôi nửa giờ, rồi nếu không thuộc, hãy đánh.» Thày cho, và mặc dầu bài khó, tôi thuộc lầu.

Trường cha Harrington chỉ dậy hết bực sơ

đẳng thôi, nên sau ba năm, Âu-Cơ-Ninh phải tìm trường khác, nhưng vì người công-giáo không được phép học các trường cao-đẳng nước Anh, nên bác Maurice quyết gửi cháu đi học thêm ở các trường mở trên lục-địa Âu-Châu cho thanh-niên công-giáo Ái-nhĩ-lan.

Âu-Cơ-Ninh trước hết qua nước Bỉ, xin vào học ở trường thành Liège, nhưng vì quá tuổi, nên không được nhập học. Đành phải qua Pháp học ở Saint-Omer, mặc dầu nước Pháp đang lâm vào cuộc cách mệnh khủng hoảng. Học ở đây một năm luôn luôn đứng đầu lớp, Âu-Cơ-Ninh đã được cha giám-đốc khen với bác Maurice rằng: «Nếu tôi không lầm to, thì Âu-Cơ-Ninh sau này sẽ chiếm được một địa vị rất cao trong xã-hội.»

Sau niên học ở Saint-Omer, cậu học sinh Ái lại theo học một trường ở thành Douai, nhưng chỉ vài tháng mà thôi.

Hồi ấy Nghị-Viện Anh quốc mới ra nghị-định cho người công-giáo được quyền làm trạng-sư mà trước kia chỉ dành cho người phản-giáo thôi. Lại nhân địa-vị trạng-sư vừa được coi là một địa-vị cao quý trong xã hội Ái, vừa hợp với bẩm tính ưa phấn đấu hoạt động của mình nên Âu-Cơ-Ninh quyết xin bác cho theo đòi nghề luật-sư.

Ngày mà Âu-Cơ-Ninh dời bỏ đất Pháp để về Luân-Đôn vào trường pháp-luật là chính ngay vua nước Pháp phải lên đoạn-đầu-đài giữa lúc toàn thắng của cuộc Cách-mệnh Pháp. Những tấn thảm kịch ghê gớm mà cậu học sinh đã phải mục kích lúc này rất có ảnh-hưởng đến ý-kiến và cử-chỉ nhà chính-trị sau này. Đến lúc ra tay hoạt động dầu có phải phản kháng chính phủ Anh, Âu-Cơ-

Ninh cũng vẫn giữ những phương-pháp theo lề-luật rất ghét cách dùng bạo lực bất công mà đạt tới mục đích của mình.

Năm 1791, Âu-Cơ-Ninh đã nghiễm nhiên thành một sinh viên luật-học ở Lincolnr's Inn, ở trọ vùng ngoại ô thành Luân-đôn. Về chí hướng và việc học hành của Âu-Cơ-Ninh vào thời kỳ này, ta có một bằng chứng trong bức thư gửi cho Bác Maurice nói rằng: «Cháu bây giờ gắng công theo đuổi hai mục đích này; một là học cho thông thuộc pháp-luật, hai là luyện lấy đủ tư cách con nhà thượng lưu. Học pháp-luật cháu vừa lấy làm thích, vừa trông cậy nhờ đó mà sau này lập nên công danh, sự nghiệp; lại nếu có đủ tư cách lịch sự thì rất dễ thành công trên trường xã-giao. Cháu có cái nhiệt vọng đạt được tới mục đính nên bao nhiêu công phu học hành, cháu đều cho là vui thích vậy.

Tuy vậy đến năm 1797, Âu-Cơ-Ninh trước khi chiếm được chức trạng sư, bỗng từ giã Luân-Đôn mà trở về kinh đô Ái là Dublin.

Tình thế xứ Ái-nhĩ-lan đã trở nên gay-go giữa người công-giáo và phản-giáo từ năm 1795. Năm ấy đã sẩy ra một cuộc huyết chiến giữa hai phe gần làng Diamant và có nhiều người bị thiệt mạng.

Sau cuộc đổ máu này người phản-giáo đã lập ra đảng Orangistes, thề diệt cho hết người công-giáo trên đất Ái-nhĩ-lan.

Người công-giáo thì lập ra hội Ái dân hợp-đồng. có cả người phản-giáo vào nữa, để đòi lấy tự-do tín-ngưỡng và được quyền bình-đẳng cho người công-giáo.

Ấy chính vì thời-thế như vậy, lại nhân cũng không cần phải ở Luân-Đôn theo học nữa, chỉ cần phải tập sự ít lâu cho quen công việc thôi, nên Âu-Cơ-Ninh đã nghe theo tiếng thúc giục của bầu nhiệt huyết đang sôi nổi trong trái tim của tuổi 20, mà lật đật dời bỏ kinh-đô Anh-quốc, để về xứ giúp một tay vào cuộc chiến đấu cho công-lý và tôn-giáo.

Tất nhiên là Âu-Cơ-Ninh nhập hội Ái-dân hợp-đồng, nhưng vẫn không trễ bỏ việc học hành tập sự, và giữ được tính cẩn-thận khôn-khéo, không làm liều lĩnh có thể hại đến tương-lai nghề-nghiệp.

Hội Ái-dân hợp-đồng chia ra làm hai phái: một phái muốn bạo-động, và một phái ôn-hòa, chỉ chịu dùng những khí giới hợp-pháp để hành động mà thôi.

Phái này, từ năm 1792 trở đi, đã dần dần đòi cho người công-giáo được quyền làm thầy kiện, chưởng lý, quan tòa chốn pháp đình, làm được đến chức đại-tá trong quân đội, và được đầu phiếu vào tòa Nghị-Viện.

Âu-Cơ-Ninh theo về phái ôn-hòa thường đi hội-họp ở tửu-điếm «Eustau Street» với những nhà chính trị đương thời, nhưng vì chưa có chức trạng-sư, nên còn phải dè-dặt cẩn-thận, chỉ đến họp mặt mà thôi chứ không diễn-thuyết tranh-biện, chủ ý là xem xét để mà học lấy môn chính trị thực hành, và thụ-pháp những kinh nghiệm để mà hành động sau này.

Vì thế nên đến lễ Phục-sinh năm 1798 Âu-Cơ-Ninh đã nghiễm nhiên trở nên trạng sư chính thức không bị gì ngăn trở cả.

* * *

Trước khi ra vùng vẫy, hoạt động trên đời, Âu-Cơ-Ninh muốn trở lại quê cha đất tổ ít lâu, hưởng cái thú cảnh xưa người cũ và tắm gội tâm hồn trong bầu không khí ái-quốc bao giờ cũng nồng nàn hơn ở chốn sinh trưởng là chỗ đã giữ được bao nhiêu những kỷ niệm đẹp đẽ êm-đềm của tuổi thơ.

Ngày ngày Âu-Cơ-Ninh đi lại thăm viếng hết bà con thân-thuộc ở quận Kerry, không thì lại dạo chơi phong cảnh trong núi để nhớ lại những ngày trong sáng đã qua.

Không bao-giờ bằng lúc này, Âu-Cơ-Ninh cảm thấy lòng yêu nhà, yêu nước bồng bột chứa chan trong tâm hồn mình. Bao nhiêu tình cảm nồng nàn, lòng tôn-trọng quốc gia, chí hoạt-động quyết liệt đã được thổ-lộ với một giọng thi-hứng trong bức thơ sau đây, viết cho bạn Walter Landor:

«Bạn hẳn còn nhớ lời nhà thi-sĩ nói đến những âm thanh tự mấy con ốc biển phát ra:

«Hãy lắc con ốc cho nó thức dậy, rồi ghé miệng nó vào lỗ tai mà nghe nó nhắc đến cái chỗ ở huyền bí của nó. Nó thì thầm như biển cả ngoài xa kia». Tôi chỉ muốn có bạn ở đây cho bạn xem cái «chỗ ở huyền bí» ấy với cái đẹp hùng tráng của nó, cho đến giờ trưa, khi gió tây-bắc

đã thổi mạnh và lâu rồi, bạn được ngắm những làn sóng nổi lên như núi trên biển mênh mông, lần lượt theo nhau đập vào bờ đá cao ngất, những bờ đá kiên cố lẫm liệt, chẳng những phòng giữ lấy quê tôi, mà lại làm bức thành lũy thiên-cổ chống giữ những đất đai mầu mỡ, những làng mạc êm-đềm với những tháp chuông xinh xắn của xứ Ái-nhĩ-lan ta.

«Tôi chỉ muốn có bạn ở đây để hưởng cái thú rừng núi chỗ quê tôi, mà nghe tiếng thác gầm trong khe núi hiểm trở, khi đó tôi mới dám kể cho bạn nghe làm sao tôi đã sinh ra trong tiếng ầm-ầm của đại-dương, đã được ru ngủ bằng giọng nỉ-non than vãn của biển lặng, và làm sao tôi đã sống cái tuổi thơ mộng của tôi trong kỷ niệm những đấng tiền-bối, và làm sao từ đó tôi đã có cái khát-vọng được phục-hưng bao nhiêu vinh-quang rực-rỡ của nước nhà, là nước đã từng giữ được trọn vẹn đức-tin và văn-hóa trong khi các nước Âu-Châu còn lâm vào trong bóng tối chưa ra khỏi tình trạng dã man.»

Bức thơ ấy thật đã biểu lộ cái chí hướng và sự nghiệp của Âu-Cơ-Ninh về sau, như độc giả sẽ thấy dưới đây.

Nhà luật sư

Về bước đầu của Âu-Cơ-Ninh trong nghề trạng sư ta có một chứng chỉ hơi bất ngờ, là quyển sổ chi thu biên chép rõ ràng về thời kỳ này. Cuốn sổ ấy cho ta biết tiền thu nhập của nhà thầy kiện

trẻ này vào năm đầu được 58 đồng kim-bảng Anh. Năm sau được 150, năm thứ ba 200 và năm thứ tư 300..... Mấy con số ấy có thể làm biểu hiệu cho cái danh tiếng luật sư của Âu-Cơ-Ninh đương nổi lên một cách rất mau chóng, và chẳng bao lâu đã đưa đến bậc nhất trên các nhà luật sư có tiếng thời ấy ở kinh thành Dublin.

Duyên do cuộc thắng tiến rực rỡ ấy, phần lớn là ở tại cái thiên tài lỗi lạc của Âu-Cơ-Ninh về nghề tranh biện.

Từ lúc mới ra biện hộ, nhà trạng sư trẻ tuổi này đã tỏ ra có cái óc thiết thực chuyên chủ về thực tế, không ưa cách hùng biện hão.

Khi đã thành lão luyện trong nghề, Âu-Cơ-Ninh thường hay thuật chuyện rằng: « Tôi còn nhớ lúc mới nhập nghề, có một lần phải biện hộ cho một bị cáo đã phải kết án bắt trả cho bên nguyên 1100 kim bảng. Chúng tôi muốn phá án. Mấy ông bạn đồng liêu hơn tuổi tôi thì cứ theo bắt bẻ người làm chứng, rồi diễn văn hùng hồn rất lâu nhưng không hiệu quả gì. Đang khi ấy, tôi lấy ngay sổ sách bên bị, và ngồi xuống ngay dưới ghế các quan tòa, tôi lục xét lại từ đầu đến cuối. Mọi việc đều có biên chép minh bạch làm hai bản cả. Cái kết quả bất ngờ là người khách hàng bị cáo của chúng tôi, chẳng những là không mắc nợ 1100 kim bảng, mà lại còn được đòi 700 kim bảng ở bên nguyên nữa, nhưng hắn khờ khạo làm sao mà không thấy chỗ đó. Khi đến lượt tôi cãi, tôi chỉ đem sổ sách ra tính toán rõ ràng, đâu ra đó, thành ra các bồi-thẩm phải thương nghị xem có phải bắt bên nguyên trả

700 Kim bảng cho bên bị chăng... »

Với cái óc thiết thực Âu-Cơ-Ninh lại có cái trí linh lợi, giỏi tùy cơ ứng biến, theo nhân vật, theo hoàn cảnh. Đây ta phải nhận rằng có khi Âu-Cơ-Ninh đã biện hộ cho kẻ tội phạm quả tang được trắng án, lại lắm khi cũng dùng đến những phương pháp thật không có thể gọi được là chính thức. Nhưng ta cũng phải biết rằng: nhà luật-sư thời ấy đã phải đối phó với một bộ hình luật quá ư khắc nghiệt cho người Công-giáo, lại thường gặp những quan tòa, những viên bồi thẩm lắm khi dốt nát hay thiên-vị bất-công, thường chỉ vì cái lòng ghen ghét người Công-giáo mà được cái chức vị ấy mà thôi, nên bao giờ cũng sẵn lòng ghép án cực hình cho tội nhân. Vì đó nên ta cũng phải hiểu rằng hành vi của Âu-Cơ-Ninh trong những trường hợp ấy, chẳng qua chỉ là bỏ nhân lý mà theo thiên lý đó thôi.

Một lần Âu-Cơ-Ninh đứng biện hộ cho một bị cáo phạm vào một trọng tội và có những bằng chứng rất nặng. Nhưng quan chưởng tòa mới lâm bịnh nặng, nên một viên trạng sư trẻ tuổi tên là Lefroy được cử lên ghế chủ tọa. Âu-Cơ-Ninh biết tính người này nóng nẩy, lại dễ cảm xúc nên bày ra một kế để cứu tội nhân. người liền tra hỏi mấy người làm chứng một cách trái phép mà lề luật cấm hẳn, và tất nhiên bị quan biện lý phản đối ngay. Quan tòa Lefroy cũng nổi nóng và tuyên truyền rằng ngài không có thể để cho trạng sư Âu-Cơ-Ninh tra vấn trái phép thế được. Tức thì Âu-Cơ-Ninh lên mặt giận dữ trả lời rằng:

« Ngài không để cho tôi biện hộ cho bị cáo, thì thôi; tôi xin bỏ tính mệnh người ấy trong tay ngài

đó ; sau này có sao thì máu người ấy sẽ đổ trên đầu ngài...»

Rồi vùng vằng bỏ đi.

Hai giờ sau, có chưởng lý chạy lại báo tin cho Âu-Cơ-Ninh là bị cáo đã được trắng án. Quan tòa Lefroy bị súc động trước cái trách nhiệm đổ máu nhân sinh, nên hết sức cứu tội nhân cho khỏi luật hình.

Âu-Cơ-Ninh còn có cái đặc điểm nữa là rất am hiểu tâm lý người Ái-Nhĩ-Lan đồng bào mình, với những nết tốt như lòng tín ngưỡng mạnh mẽ, và tính xấu như mê rượu, gan-gồ, giảo quyệt của họ, nên thường lợi dụng một cách đắc lực trong việc điểm xét cung khai của những chứng nhân.

Có lần Âu-Cơ-Ninh phải chứng minh một người làm chứng đã ăn hối lộ. Sau nhiều câu hỏi thắc mắc, người này mới chịu nhận là trước khi ra tòa, có được người ta thết một chai rượu mạnh uhisky và có đánh chén hết một phần.

— Một phần thế có nhiều không? Âu-Cơ-Ninh hỏi.

— Cũng khá khá.

Anh hãy thề nói thật có phải rằng một phần ấy là tất cả rượu chỉ trừ ra cái vỏ chai phải chăng?

Người làm chứng ngần ngại hồi lâu rồi mới trả lời rằng: «Phải» làm ai nấy cũng phải bật cười và làm lời cung khai của người chứng nhận này cũng giảm mất giá trị đi nhiều.

Lần khác Âu-Cơ-Ninh đứng cãi trong một vụ án kế thừa cần phải chứng luận rằng cái tờ di-chúc của bên địch là giả mạo.

Mấy người làm chứng đều thề rằng kẻ quá cố đã ký tờ di chúc nầy khi « có sự sống trong mình ». « Có sự sống trong mình » là một từ ngữ riêng của người Ái, mà khi nói tiếng Anh cũng còn dùng nữa.

Nhưng Âu-Cơ-Ninh hơi lấy làm lạ thấy ai cũng dùng câu ấy, nên hỏi một người làm chứng rằng :

— Ông có dám thề rằng khi ấy người đó còn sống thật chăng :

— Tôi thề rằng người ấy có sự sống trong mình khi ký tờ di chúc này.

Một sáng kiến nảy ra trong trí nhà luật sư :

— Vậy bây giờ tôi xin ông thề trước mặt Chúa là Đấng đã dựng nên ông và sẽ phán xét ông về cái bằng chứng này, xin ông hãy thề trên phần rỗi linh hồn ông, có phải là người ta đem bỏ một con ruồi sống vào miệng kẻ chết để cho mấy người làm chứng thề được rằng người ấy có sự sống trong mình chăng ?

Người làm chứng lấy làm kinh ngạc ngần ngại một lúc rồi phải thú thật rằng chính có thế.

* * *

Với tấm lòng ái quốc nồng nàn, với chí cương quyết đã lập từ khi tuổi còn thơ, với cái địa vị đã gây dựng được trong xã hội, tất nhiên là Âu-Cơ-Ninh không thể giữ một thái độ lãnh đạm trước tình hình quốc gia. Ta đã thấy Âu-Cơ-Ninh từ trước khi làm luật-sư, đã chịu khó quan sát tập-luyện về chính-trị, nhưng chính mình chưa ra tay hành động. Nay đã đến giờ ra tay vùng vẫy.

Bước đầu của Âu-Cơ-Ninh trên con đường chính-trị hoạt-động có liên-lạc đến một vấn đề rất quan trọng cho lịch-sử quốc-gia, ấy là việc bãi bỏ tòa Nghị-Viện ở Dublin và nhập xứ Ái-Nhĩ-Lan vào Anh Quốc.

Tòa Nghị-Viện Dublin, nguyên là dân Ái đã được chính phủ Anh cho phép lập ra năm 1782, và vẫn được coi như cái tiêu biểu của tâm thần và hy-vọng độc-lập tự-trị của quốc dân.

Nhưng đến năm 1800, chính phủ Anh lại muốn tiến một bước trong cuộc Anh-hoá dân Ái, nên định bãi bỏ Nghị-Viện Ái ở Dublin, đem nhập vào Nghị-Viện Anh ở Luân-Đôn, đổi ra làm Đế Quốc Nghị-Viện.

Dân Ái cho việc này là làm mất cái cá-tính dân-quốc mình đi, nên lên tiếng phản-kháng, và tổ-chức một cuộc biểu tình ở Dublin để nghị-luận về phương-sách của chánh phủ Anh và dự-phòng những kết quả có thể xảy ra.

Chính trong cuộc biểu tình này, Âu-Cơ-Ninh đã lên đàn diễn văn trước công chúng lần đầu tiên, làm đại biểu cho dân Ái Công-Giáo.

Bài diễn văn đọc trong dịp này đã được hoan nghênh nhiệt-liệt và có thể coi như cái chương trình cả một đời hoạt động chinh trị của Âu-Cơ-Ninh được.

Diễn giả nhập đề nói rằng vấn đề nhập nước Ái vào nước Anh là một vấn đề tối quan trọng, không có người Ái nào có thể đứng dưng trung-lập được ; người nào không để tâm đến là người đáng

khinh vậy. Rồi đứng về phương diện Công-giáo, Âu-Cơ-Ninh tuyên bố rằng :

« Người Công-Giáo chúng ta không có thể chịu ai trách được rằng ta đã thừa nhận một phương-sách khả-ố và tai-hại cho nước nhà ta. Vậy nên đây tôi đứng lên kháng-nghị riêng cho người Công-giáo về vấn đề nhập quốc này ».

« Có người cho rằng ta có ý tán thành kế-hoạch của chính-phủ Anh : ta phải phản đối cái lời vu cáo ấy. Có kẻ nói rằng chúng ta muốn bán nước để hưởng lấy lợi lộc người ta đã hứa hẹn cho ta, lời vu khống này phạm đến toàn thể Công-giáo, nên cả toàn thể Công-giáo ta phải chống lại.»

« Ta phải tỏ ra cho nước Ái-Nhĩ-Lan biết rằng ta chỉ mưu việc tốt điều lành cho quốc gia, và sẵn lòng quên những nỗi bất bình ta có thể còn trong tâm trí.

« Những người nghĩ như tôi đều công nhận rằng nếu ta phải chọn lấy, một là việc nhập quốc, hai là phải trở lại với cái hình luật ác nghiệt xưa, thì ta sẵn lòng chịu cái hình luật này hơn.»

« Thật thế, tôi thà tin ở lòng công chính của người Ái-Nhĩ-Lan dầu Phản giáo mặc lòng, còn hơn là đem bỏ quốc-gia xuống dưới chân người ngoại-quốc. Và nếu kẻ nào có tâm hồn hèn hạ đến nỗi sẵn lòng để nước Ái-Nhĩ-Lan ta mất cả quốc-thể lẫn quyền tự do, thì ít nữa ta xin kẻ ấy đừng chịu cho nước ta bị xứ khác điều khiển một cách chuyên chế về thương-mại và tài-chính. . . . . . ».

Bước đầu này của Âu-Cơ-Ninh trong trường

chính-trị hoạt-động là một cuộc thất bại. Bao nhiêu sự gắng công của dân Ái đều ra bất lực trước cái chỉ định cả quyết của chính phủ Anh, đã chẳng quản dùng đến phương pháp bạo lực và hối-lộ cho toại cái chí cường quyền cưỡng áp một dân yếu.

Nhưng cuộc thất bại trước sự bất công của sức mạnh chỉ làm cho lòng Âu-Cơ-Ninh cương quyết hơn, cho cái chí gắng sức và hy sinh cho quốc-gia càng mạnh mẽ hơn. Cả cuộc đời Âu-Cơ-Ninh sau này là một trận chiến đấu lâu dài để chiếm lại quyền tự lập cho xứ Ái-Nhĩ-Lan.

* * *

Năm 1802, Âu-Cơ-Ninh đã có một cơ sở vững vàng và một địa vị chắc chắn trong xã hội, nên mới lo về việc lập gia đình. Vị hôn thê là người em gái họ xa tên là Mary Âu-Cơ-Ninh, con một thày thuốc có tài, nhưng nhà cửa thanh bạch, của cải không có bao nhiêu. Vì thế Âu-Cơ-Ninh sợ gặp điều trở ngại trong gia đình mình, nên giữ kín việc hôn nhân, không cho cha mẹ và bác Maurice biết. Như thế thật là không phải cho lắm, nhưng trong dịp này, ta cũng thấy rõ chí muốn cương quyết đi đôi với trí xét đoán sáng suốt của Âu-Cơ-Ninh vậy.

Về sau trong khi chuyện trò cùng anh em, có khi nói đến phu-nhân thì ngài kể rằng:

« Trong đời tôi, chỉ hỏi có một người đàn bà làm vợ là chính nhà tôi đây mà thôi...

« Bác tôi thì muốn tôi ưng một đám giầu hơn nhiều, và tôi biết trái ý bác tôi, thì chắc mất phần gia sản nhưng tôi cũng không thiết... »

Tôi dám chắc rằng nếu tôi đã có đủ nghị lực mà luôn luôn chiến đấu cùng kẻ nghịch thù quốc gia, ấy cũng là nhờ được êm ấm trong gia đình và hưởng cái hạnh phúc đời người bởi một tay nội trợ đảm đang và âu yếm vậy».

Với cái chí tự lập, với những công việc trong nghề nghiệp, với tấm lòng nhiệt thành hy sinh vì quốc gia, sự hoạt động của Âu-Cơ-Ninh từ đấy đã vào thời kỳ đầy đủ.

Trong một cuốn sách nghiên cứu về đoàn thể trạng-sư xứ Ái-Nhĩ-Lan, tác giả là Sheil có cho ta biết công việc hằng ngày của Âu-Cơ-Ninh một cách rõ ràng.

Từ sáng sớm, mặt trời chưa mọc, ta đã thấy Âu-Cơ-Ninh cặm cụi trên bàn giấy, dưới một tượng ảnh chuộc tội trong gian phòng lặng lẽ, đầy sách vở.

Vài giờ sau ta thấy nhà luật sư ở tòa án, tay cầm một tập giấy đầy nhóc, nói chuyện với khách hàng hay với chưởng-lý một cách rất vui vẻ trước khi ra tranh biện. Tác giả lại cho ta biết những tư cách đã làm nổi tiếng nhà luật sư là giỏi pháp luật, quen công việc, lại có lòng nhiệt thành, cái chí lanh lợi, lời nói minh bạch cặn kẽ; tính vui vẻ và rất khôn khéo.

Hết phiên tòa thì đã ba giờ chiều. Ta tưởng trạng sư sẽ về nhà nghỉ ngơi; nhưng tác giả lại đưa ta đến một vài cuộc biểu tình hằng ngày thường có ở Dublin, và ta lại gặp Âu-Cơ-Ninh đang diễn thuyết hay nghị luận về vấn đề quốc gia một cách nhiệt liệt, ta có thể tưởng rằng cả ngày chỉ làm có việc ấy mà thôi.

Sau hết, tác giả cho ta biết rằng sau một ngày hoạt động huyên thiên như thế, nếu ta muốn gặp Âu-Cơ-Ninh lại phải tìm đến một bữa tiệc chính trị nào đó, và sẽ chắc chắn nghe được nhà chí sĩ đọc năm sáu bài diễn văn ca tụng xứ Ái-Nhĩ-Lan và khuyến khích đồng bào nhiệt tâm ái quốc cùng sẵn lòng hi sinh cho quốc gia.

Khi đêm đã khuya, Âu-Cơ-Ninh mới về đến nhà và sáng mai lại thấy cặm cụi trên sách vở trong gian phòng lặng lẽ kia, từ trước lúc mặt trời mọc.

Trên kia ta đã thấy cuộc thành công rực rỡ của Âu-Cơ-Ninh trong nghề nghiệp, phần lớn ở tại cái thiên-tài lỗi-lạc, nhưng cũng nên nhớ rằng, thiên tài ấy cũng nhờ một tính siêng năng cần mẫn mới phát hiện được và đem đến những kết quả tốt đẹp.

Nhà công giáo hành động

Trên kia ta đã thấy sự gắng công tập luyện và bước đầu của Âu-Cơ-Ninh trong cuộc hoạt-động, cho tôn giáo, cho quốc gia, nay ta cần phải xem rõ hơn về tôn-chỉ, về cách-thức, về phương pháp cuộc hoạt-động này. Âu-Cơ-Ninh đãkhởi danh lừng lẫy, chẳng những giữa đồng bào dân Ái, mà lại trên khắp thế giới văn minh thời ấy, không phải vì là nhà luật sư biệt tài, mà chính vì là một nhà Công-Giáo hành động mãnh liệt, lại cũng vì

đó mà Âu-Cơ-Ninh đã được dân Ái tặng cho cái danh bất hủ là cứu quốc anh hùng vậy.

Một lợi khí đã giúp Âu-Cơ-Ninh. trong cuộch oạt động này, là cái tài hùng biện xuất chúng. Ta đã thấy trên kia là Âu-Cơ-Ninh rất ghét cái giọng hùng hồn hão nên tài hùng biện của ngài do ở chỗ lời lẽ chắc chắn, lý luật chặt chẽ minh bạch, lại có cái tài đối đáp luôn luôn sẵn-sàng và đanh thép. Ta phải nhận rằng khi nói đến kẻ nghịch, hay người thờ ơ với đất nước, Âu-Cơ-Ninh dùng nhời nhiếc móc thậm tệ có nơi quá đáng. Nói về một chính trị Ái được vào Nghị-Viện mà không biết dùng thế lực phụng sự quốc-gia, Âu-Cơ--Ninh không ngần ngại nhắc lại câu văn của nhà thi-hào La-mã Virgile: « Người này là một kẻ bán nước lấy tiền.»

Vì mục đích hoạt động của Âu-Cơ-Ninh là giải phóng cho người Công-Giao và lấy lại quyền tự trị dân Ái nên hình như khi nào nói đến vấn đề quan trọng này thì cái tài hùng biện mấy hoàn toàn phát triển; khi đó tấm lòng tín ngưỡng mạnh mẽ, lòng ái quốc nồng nàn với cái chí hiên ngang vì quốc gia, mới hy vọng thiết tha ở tương lai, thường đưa lời nói của diễn giả, đến chỗ tuyệt hảo làm rung động nhân tâm.

Đây xin lược dịch để đọc giả thưởng thức và hội lấy một quan niệm về lời văn của Âu-Cơ-Ninh. khúc kết luận bài diễn văn ngày 21 tháng 7 năm 1812 đã được dân Ái hoang nhênh kịch liệt vào coi như một áng văn tuyệt tác:

« Nước Anh đã nhiều lần bị chinh phục: bị

dân La-mã. chinh phục, dân Saxons chinh phục, dân Normands chinh phục; nghĩa là cứ mỗi lần bị xâm lấn là bị chinh phục. Nhưng nước Ái ta chưa bao giờ bị thắng áp, ta không khi nào đánh mất quyền tự chủ quốc gia trên bãi chiến trường, ta chưa bị thất bại mà bị quy phục ai bao giờ.

« Chỉ có điều này, là dân Ái trước kia đã bị lường gạt và phản bội mà mất nước đi từng mảnh một. Dân Ái đã tin vào lòng trung nghĩa của một dân không bao giờ giữ một điều ước nào; cho đến khi một tạp chủng mới đã thành lập giữa lúc chúng ta bất-hòa, phân-tranh xâu xé nhau.

« Nhưng tâm hồn nước Ái vẫn còn sống luôn, chí khí quốc gia vẫn còn y nguyên và đã tiêm nhiễm vào trí giác đến cả các con cháu kẻ đã áp chúng ta nữa. Cái chí hào-hiệp, can-đảm, trung-trực, tấm lòng ái mộ tôn sùng tất cả cái gì đẹp đẽ cao thượng, những tư cách ấy của người dân Ái, nay vẫn còn lại như những dấu tích bất diệt của một thời đại hùng-tráng, khi nước ta rực rỡ ánh sáng vinh quang giữa các nước Âu-Châu còn trong tối dã-man, khi các nước lân bang phải đến học-đường xứ ta tìm lấy học thuyết và gương mẫu mà noi theo, khi giữa các dân khác chỉ một mình nước ta giữ được lấy một nền tôn giáo và văn minh vững vàng.

« Tổ quốc ta, bao giờ ta cũng sẽ sẵn sàng và hết lòng chống giữ. Ta thà chịu chết chớ không khi nào chịu khuất phục kẻ ngoại xâm. Về phần tôi, dầu có phận nào tôi sẽ lấy làm hân hạnh mà hô hào các đồng bào phải phấn chấn một

lòng ái mộ và kính phục quê hương, và kêu gọi người dân Ái bất kỳ theo tôn giáo nào, phải đem hy sinh các thành kiến nó chia rẽ ta trên bàn thờ tổ quốc chung của ta.

« Bao nhiêu tình cảm chứa chan trong tâm hồn tôi, xin mượn mấy lời này của nhà thanh niên thi sĩ Ái mà phô diễn và kết luận bài này :

« Đêm đêm ta hằng mơ tưởng đến người, — ngày vinh quang của người là nguồn thi hứng của ta, — bao nhiêu tư tưởng, bao nhiêu ước vọng của ta là quy về người cả, ơi nước Ái-Nhĩ-Lan hùng cường vĩnh viễn »

* * *

Trong cuộc hoạt động đằng đẵng gần năm trời, Âu-Cơ-Ninh bao giờ cũng theo một tôn chỉ là cần phải luôn luôn phiến động. Nhiều người công giáo lắm lúc cho rằng hoạt-động mà không được kết quả gì thì thà khoanh tay ở yên đợi thời còn hơn. Nhưng Âu-Cơ-Ninh không nghĩ thế, mà cho cằng phải phiến động luôn luôn, trước là cho Anh đừng tưởng mọi sự đều ổn thỏa, cứ bằng chân như vại mà hưởng thú bình yên, bắt phải luôn luôn áy náy tìm cách giải quyết vấn đề chông gai này, sau nữa là để kích thích tấm lòng dân Ái cho khỏi bị nhụt dần đi.

Cần phải phiến động nhưng muốn đạt được mục đích, muốn có kết quả hay, phải hoạt động cho có cách thức, có qui củ chớ không phải nhắm mắt làm liều. Cuộc hành động lâu dài của Âu-Cơ-Ninh với bao nhiêu kết quả rực rỡ, đã

tránh nổi bao nhiêu nỗi khó khăn, thật đã tỏ ra rằng phương pháp đắc dụng phải là một phương pháp khôn ngoan thần diệu vậy.

Chính sách của Âu-Cơ-Ninh là chính sách « bất bạo động » Nghĩa là trong cách dụng phương thế thì phải lựa chọn những phượng thế hợp pháp luật, trong cách hành động phải cẩn thận khôn khéo, biết tùy cơ tùy thời mà tiến thoái để tránh những trường hợp phải dùng bạo lực, hay bị uy hiếp. Sinh thời Âu-Cơ-Ninh thường giữ được tôn chỉ ôn hòa này, nhưng về sau dân Ái cũng lắm khi bạo động và có nhiều cuộc lưu huyết với chính phủ Anh.

Xem thế thì ta biết phương pháp « bất bạo động » « bất cộng tác » của nhà chính trị Ấn-độ Gandhi trong cuộc phản kháng nước Anh chẳng phải là mới mẻ gì, vả lại Cam-địa tiên-sinh đã từng du học bên Anh, tất không thể nào không biết rõ cái cử chỉ của Âu-Cơ-Ninh trong lịch sử hai nước Anh - Ái. Và nước Anh nay lại phải đối phó với một trường hợp tương tợ như vấn đề dân Ái trước, ở thuộc địa Ấn, tưởng cũng có thể đoán trước được kết quả sẽ thế nào vậy.

Về mặt phương pháp, ta đã thấy trên, mục đích của Âu-Cơ-Ninh là cốt bắt buộc chánh-phủ Anh phải chú ý đến vấn đề Ái Nhĩ-Lan, và cảnh tỉnh dân Ái giữ lấy một lòng ái quốc nồng nàn mãnh liệt luôn.

Muốn nhắc nhở chính phủ Anh, Âu-Cơ-Ninh khi ấy chưa vào được Nghị-Viện, luôn luôn tổ chức những cuộc đệ đơn tình nguyệt, yêu cầu

đủ chuyện, nhưng chung qui cũng là theo một đích cả.

Nhưng phương sách ấy không được kết quả bao nhiêu. Khi đảng Nghị-Viện Ái đã có đủ thế lực, vây cánh ở Hội-Nghị, dưới quyền chỉ huy của Âu-Cơ-Ninh, có bầy ra một phương kế đắc lực hơn là phương pháp « phá-đám ». Đầu tiên, mấy nhà Nghị-Viên đảng Quốc-gia Ái, mỗi lần có hội đồng cứ thay phiên nhau lần lượt lên đàn diễn thuyết, đọc những bài văn « tràng giang đại hải » có khi ngày này sang ngày khác, bất cứ về một vấn đề gì, bắt chuyện nấy sang chuyện khác, không để cho các cụ Nghị-Viên Anh bàn luận các vấn đề quan trọng nên công việc đều ngừng trệ cả.

Nhưng vì không có luật pháp nào cấm hay hạn chế thời khắc diễn văn, nên không làm sao được, bất đắc dĩ các Nghị viên Anh đành phải « giết thời giờ » bằng cách đọc sách, xem báo hay tạm đánh một giấc, đang khi cuộc diễn văn kéo dài và các nhà Nghị-viên Ái tại trọng uống bia và ăn « Saudivich » trước khi lên diễn đàn...

Sau phải ra một nghị định cấm hẳn cái thói « đan ngôn » ấy. Nhưng đảng Quốc-Gia Ái lại tìm được kế khác. Nguyên ở Nghị-Viên Anh có hai đảng chính là đảng « bảo thủ » và đảng tự do thế lực cũng gần ngang nhau nên quyền chính cứ đổi tay này sang tay kia luôn. Lại trong những cuộc đầu phiếu, thường chỉ cần một số ít phiếu cũng đủ đem đa số bên này sang bên kia ngay.

Đảng Quốc-Gia Ái lợi dụng cái trường hợp

này mà phá đám nữa; cứ đồng lòng bỏ phiếu, lúc bên này, lúc bên kia thành ra cũng đạt được mục đích làm ngừng trị việc chánh trị trong nước cho đến khi chánh-phủ phải nhượng bộ về vấn đề Ái-Nhĩ-Lan mới nghe.

Ấy là đối với người Anh. Còn đối với người Ái thì Âu-Cơ-Ninh dùng phương pháp luôn luôn triệu tập những cuộc biểu tình để cảnh tỉnh dân chúng và kích thích nhân tâm. Những cuộc biểu tình này, mỗi ngày một nhiều, lan ra khắp đất Ái và số người dự mỗi ngày mỗi tăng lên thường đến ba mươi, năm mươi, bẩy mươi vạn người làm chính phủ Anh phải luôn để ý đến dư luận Ái.

Hai phương pháp kể trên là phương pháp nhất thời, chỉ được dùng một khi một lúc; nhưng muốn cho cuộc hoạt động có tính cách vĩnh cửu, Âu-Cơ-Ninh tổ chức đoàn thể, lập hội để binh vực cho người công giáo.

Đây cũng như trong công việc khác, Âu-Cơ-Ninh vẫn giữ một thái độ điều hòa và khôn khéo theo tôn chỉ bất bạo động. Mỗi lần chính phủ Anh cường lực uy hiếp thì Âu-Cơ-Ninh ra lịnh giải tán các hội; những khi được yên, ổn lại tổ chức hội mới trên nền tảng cũ luôn.

Hội đầu tiên lập ra năm 1808, lấy tên là **« Công-giáo ủy-viên hội »** đến năm 1811, bị chính phủ giải tán, nhưng năm sau, 1812, lại mọc lên với cái tên hội khác là **« Công-giáo hội-nghị »**. Hội này cũng chỉ sống được ba năm đến năm 1814, vì Anh có cuộc chiến tranh với hoàng đế Nã-phá-Luân, nên các hội có tính cách phản-đối

chính-phủ đều bị giải tán cả.

Mãi đến năm 1823, Âu-Cơ-Ninh mới tổ chức lại, theo một quy củ mới, lấy tên là «**Ái-Nhĩ-Lan Ái-hữu hội**». Hội này có tính cách quốc gia và thế lực to hơn các hội trước nhiều, là nhờ một điều khoản do Âu-Cơ-Ninh lập ra: Mỗi hội viện tình nguyện đóng một số tiền rất nhỏ, để cho kẻ nghèo cũng vào hội được mỗi tháng có người đi quyên và đem nộp quỹ. Số tiền này dùng vào việc binh vực quyền lợi cho người công giáo (1) khi có việc kiện tụng. Dân Ái trước kia thường bị ức hiếp, mỗi khi có việc ra trước tòa án Anh, không biết chạy vào đâu, nay có một cơ quan bào chữa cho, nên rất lấy làm hài lòng và rất hâm mộ và nhiệt thành với hội.

Hội này cũng chết đi sống lại mấy lần, khi thì là «**Phi-hợp-quốc hội**» khi thì đổi ra «**Ái-dân nghĩa-dũng hội**» nhưng đã là một khí giời rất lợi hại trong cuộc chiến đấu giải phóng cho dân Ái. Cũng nhờ hội này mà sau đây, mấy người tá-điền Ái có đủ thế lực chống cự với các chủ điền Anh bằng cách «tẩy chay» rất đắc lực.

Nguyên là đất đai của người Ái bị người Anh chiếm lấy cả như ta đã thấy trên kia, người Ái chỉ còn làm tá điền hoàn toàn dưới quyền người Anh mà thôi. Người Anh chủ điền lại hay lạm dụng quyền thế mình, cứ hơi bất bình là đuổi cổ ngay anh tá điền Ái, bắt đem vợ con ra khỏi nhà ngay mà không bồi thường cho một đồng

(1) Mỗi khi nói «người Công-giáo» ở sách này, ta phải hiểu đó là hầu hết toàn thể dân Ái.

nào, nên thường sẩy ra lắm tấn kịch bi-ai. Dân Ái trước còn phải cắn răng chịu ức hà hiếp, nhưng sau dần dần nhờ có đoàn thể tổ chức nên đem thi hành cái kế "tẩy chay" (tiếng **boycottage** thường dùng bởi đó mà ra) những người chủ điền ác-nghiệt và những người tá điền đã chịu kế chân người Ái bị đuổi, không giao thiệp mua bán gì với họ cả. Sau lắm việc rối loạn sẩy ra nữa, nên Chánh phủ Anh phải lo toan giải quyết vấn đề trả đất cho dân Ái.

* * *

Chẳng cần nói, độc giả cũng hiểu rằng một cuộc hoạt-động mãnh liệt như của Âu-Cơ-Ninh không sao tránh khỏi những kẻ kình địch thâm thú được.

Kẻ thù số một muốn làm hại Âu-Cơ-Ninh tất nhiên là đảng *Orangistes* đã nói trên kia, thề quyết diệt cho hết người Công-giáo trên nước Ái-Nhĩ-Lan. Ta chớ vội tưởng rằng lời thề này là một câu nói hão. Đảng này chẳng những là có thế lực mà lại còn được Chánh phủ Anh bênh vực nữa nên dám công nhiên hoành hành chẳng còn sợ pháp luật gì cả. Lúc hữu sự có cảnh sát cũng làm ngơ mà có ra đến tòa thì cũng được trắng án. Như năm 1814, đảng này có giết đến sáu-mươi-chín người Công-giáo mà vẫn chẳng bị phiền nhiễu gì cả.

Nhưng khi phải đối phó với Âu-Cơ-Ninh, thì cũng phải cẩn thận, vì chạm đến Âu-Cơ-Ninh là có thể gây nên cuộc nổi loạn, lan ra khắp xứ Ái-

Nhĩ-Lan ngay. Vậy nên họ mới bày ra một kế đề tránh cơn giận của dân chúng, là tìm việc gây sự đề mà «hạ» Âu-Cơ-Ninh trong một trận huyết chiến.

Tay địch thủ tình nguyện hạ Âu-Cơ-Ninh, là một tên *D'Esterre* là một tay chơi liều mạng, nợ nần như «chúa chổm», nên kiếm mọi cách làm tiền chẳng trừ cách nào. Tên này làm đủ trò đề thóa mạ nhà chí sĩ Công-giáo và thách ra đánh một cuộc quyết đấu. Âu-Cơ-Ninh đầu tiên một mực từ chối nhưng vì tức nên nhận lời trong một lúc nóng giận mà sau này phải hối hận cả đời.

Trận quyết đấu đánh trên bãi *Bishops Court*. *D'Esterre* bắn trước nhưng viên đạn chỉ rớt ngay dưới chân địch thủ. Đến lượt Âu-Cơ-Ninh bắn, không muốn bắn chết *D'Eterre* nên chỉ nhắm dưới thấp.

Chẳng may lúc ấy *D'Esterre* trở nghiêng mình như muốn tránh viên đạn thành ra bị trúng thương ngay dưới bụng ngã ngay. Viên đạn tìm lấy ra không được nên hai ngày sau *D'Esterre* tắt hơi.

Khi tin Âu-Cơ-Ninh quyết đấu lọt ra ngoài, thì cả dân thành Âu-Cơ-Ninh đều áy náy xôn xao. Các nhà cầm quyền sợ Âu-Cơ-Ninh có mệnh nào, thì *D'Esterre* khó mà thoát khỏi cơn giận của dân chúng nên phái một đội kỵ binh đến *Bishops Court* đặng bảo vệ cho hắn.

Khi biết được kết quả cuộc quyết đấu thì dân chúng mừng rỡ không bút nào tả được; nên bọn phản giáo hiểu rằng phải làm ngơ đi thì hơn, chứ nếu chuyện vỡ lở ra thì chỉ xấu cho cả bọn

chớ không ích gì. Vì thế mà Âu-Cơ-Ninh không bị phiền nhiễu gì cả. Việc này sẩy ra năm 1815.

Năm trước (1814) Âu-Cơ-Ninh mới can thiệp vào một vấn đề quan trọng cho Giáo-hội Ái-Nhĩ-Lan và đã được coi như lãnh tụ phái công giáo Ái. Vấn đề này gọi là vấn đề Véto (nghĩa là quyền phủ-nhận) là một vấn đề rắc rối phiền phức rất khó giải quyết.

Nguyên là chính phủ Anh đã hiếp ức người công giáo Ái, lại muốn xen vào công cuộc hành chính Giáo-hội Ái, nên yêu cầu Tòa thánh nhượng cho «quyền phủ nhận các đấng được chọn làm Giám-mục» nghĩa là chính phủ Anh muốn được quyền loại bỏ các đấng nào không vừa ý mình, không để cho làm Giám-mục. Để bù lại, chánh phủ Anh hứa sẽ giải phóng cho người công giáo và giúp đỡ các Giám-mục về mặt tài chính.

Vấn đề này làm cho dư luận công giáo chia rẽ làm hai phe. Một bên phần nhiều là người công giáo Anh, cho lời yêu cầu chính phủ Anh là chính đáng có thể theo được, viện cớ rằng nhiều nước khác như Pháp, hay Gia-nã-đại cũng được hưởng quyền này. Lại ở Tòa-Thánh khi ấy vì Đức Giáo-Hoàng Piô VII đang bị hoàng đế Nã-phá-Luân giam ở Fontainebleau, nên Đức cha Quarantotti lo về ban truyền giáo tuyên rằng có thể nhận lời yêu cầu chính phủ Anh được.

Nhưng các đấng Giám-mục Ái thì hết sức phản đối vấn đề này, và trong hội nghị ở Maynooth ngày 25 tháng năm 1814 đã tuyên bố rằng sẽ tực lực để kháng việc chính phủ muốn xen vào

việc hành chính của Giáo-hội.

Trong trường hợp này, Âu-Cơ-Ninh đã đem hết thế lực mình mà chiến đấu bên các đấng Giám-mục Ái, trong những cuộc hội họp biểu tình, đem tài hùng biện ra dẫn giải cho dân chúng hiểu rằng đến các chính phủ công giáo kia mà còn hay lạm dụng khi được quyền này huống chi là một chính phủ phản giáo như Anh-Quốc.

Còn về lời hứa giải phóng cho người công giáo thì Âu-Cơ-Ninh trả lời bằng khúc văn sau đây, có thể coi như biểu hiệu thái độ người công giáo trước vấn đề tôn giáo và quốc gia vậy:

«Chúng tôi rất yêu chuộng quyền công-dân tự-do nhưng chúng tôi còn yêu chuộng tôn giáo của chúng tôi hơn nữa. Nếu phải chết mà lấy được quyền tự-do, thì chúng tôi sẵn lòng hy sinh đời sống chúng tôi ngay, nhưng không thể nào chịu bỏ đức tin của chúng tôi được. Thà làm người công giáo mà phải làm tôi mọi, còn hơn làm người phản giáo mà được tự-do. Sự bắt bớ hành hạ không phải là mới mẻ gì đối với chúng tôi, đã ba trăm năm nay cắn răng chịu ức hiếp vì đạo. Chúng tôi thà chịu mọi sự cực khổ hơn nữa chứ không dề phạm đến kỷ luật Hội giáo chúng tôi.

Ít lâu sau, đức Thánh Cha có tỏ ý chuẩn y thái độ của các giám-mục Ái và cho rằng đức Cha Quarantdti đã đi quá phạm vi quyền hành mình.

* * *

Mục đích hoạt động của Âu-Cơ-Ninh ta đã

thấy trên kia, là giải phóng cho người dân Ái và lấy lại nền tự trị cho dân Ái.

Cái chương trình vĩ đại này, tuy rằng Âu-Cơ-Ninh không đem thực hành được đến cùng, và đến lúc kiệt lực phải từ giã bãi chiến trường vẫn còn bỏ giở, nhưng đã có công nghiệp rất lớn trong sự cố gắng đi tới một chỗ giải quyết.

Vấn đề giải phóng cho giáo hữu nhờ ở Âu-Cơ-Ninh mà bước được một bước dài vào khoảng mấy năm 1828 - 1830, và tuy người công giáo chưa được hoàn toàn tự-do bình-đẳng nhưng cũng đã lấy lại được những quyền lợi căn bản trong xã hội. Ấy là việc tuyển cử Âu-Cơ-Ninh vào Nghị-Viện đế quốc Anh.

Trước kia, người công giáo không được quyền ứng cử vào Nghị-Viện, nên có muốn vận động để cải cách bộ luật ức hiếp mình kia đi, thì chỉ có cách đệ đơn thỉnh nguyện, hay tổ chức những cuộc biểu tình nghĩa là chỉ ảnh hưởng được đến chính trị một cách gián tiếp mà thôi. Ngoài ra thì chỉ trông cậy mấy nhà nghị viên ngoại giáo có lòng công - chính hay có thiện-cảm với người công-giáo để bênh vực quyền lợi cho mà thôi. Nhưng các phương pháp trên kia không đắc lực mấy, lại mấy nhà nghị viện phản giáo, dẫu có thiện-cảm với người công-giáo nhưng không hăng hái nhiệt thành cho đủ để mà hoạt động cho có một kết quả mỹ-mãn.

Vì thế nên giáo hữu hiểu rằng muốn bênh vực lấy quyền lợi mình thì chẳng gì bằng chính mình ra tay mà giằng, lấy cho mình nghĩa là

phải có ngay ở Nghị-Viện, những nhà đại biểu cho người công giáo vừa là những chiến sĩ sốt sắng hoạt động, sẵn lòng hy-sinh mình vì nghĩa chung. Nhưng lần đầu tiên, muốn qua cho lọt cánh cửa Nghi-Viện vẫn còn khóa kín cho người công giáo thì cần phải có một nhân vật trứ danh, được lòng dân tôn trọng thì mới thắng nổi bao nhiêu trở lực và bắt buộc chính phủ Anh phải chịu theo lòng dân. Ai nấy đều nghĩ ngay đến Âu Cơ-Ninh.

Tháng Juin năm 1828, có cuộc bầu cử ở quận Clare, Âu-Cơ-Ninh ra ứng cử tranh với một người phản giáo là Fitz Géraid.

Người địch thủ này không phải là tay vừa gì. Tuy là phản giáo, Filz-Gérald vẫn giữ một thái độ ôn hòa công chính, nên vẫn được lòng dân, cả người công-giáo cũng tin cậy ; năm trước y đã được bầu cử rồi, song vì mới được tuyển vào nội-các, nên cần phải tái cử để giữ chân Nghị-Viện theo luật Anh-quốc.

Ấy cũng là một trở lực cho Âu - Cơ - Ninh song không làm bớt lòng hăng hái của dân chúng công giáo đã bồng bột nổi dậy khi nghe tin có một người đồng giáo đứng lên ứng cử vào Nghị-Viện mặc dầu pháp luật cấm hẳn.

Vì thế nên cuộc hành trình của Âu-Cơ-Ninh đến Ennis là thủ đô quận Clare đã được hoan hô nhiệt liệt và cuộc bầu cử đã là một cuộc đắc thắng hoàn toàn cho Âu-Cơ-Ninh.

Cuộc đắc thắng này một phần lớn nhờ tại lòng hy sinh một phái người tuyền cử là những tá điền làm công cho người Anh đã chẳng quản

lời đe dọa, nỗi bức bách mà cứ theo lương tâm bầu phiếu cho Âu-Cơ-Ninh, lắm người có những thủ đoạn anh hùng rất đáng kính phục.

Một người tá-điền công giáo vì không trả được tiền nợ đã bị bỏ tù, để lại vợ con nheo nhóc. Đến ngày bàu cử, người chủ nợ hứa tha cho khỏi tù lại cho không cả món nợ nữa nếu ưng đầu phiếu cho người ứng-cử phản giáo. Người tá-điền còn đương lưỡng-lự chưa biết tính làm sao thì người vợ nghe tin, vội chạy đến, đứng ngoài kêu to lên, khuyến kích chồng rằng : « Anh ơi, hãy nhớ đến linh hồn mình và quyền tự do của ta. »

Người tá-điền nghe lời vợ và lương tâm mình đầu phiếu cho Âu-Cơ-Ninh rồi trở về ngục thất. Câu nói cao thượng kia sau đã được Công-Giáo hội-hữu Ái nhận là tiều-ngữ và tên người đàn bà can đảm này, Brigitte Sruenty đã được khắc trên bản đồng để làm kỷ niệm.

Sau năm ngày bầu. Fitz Gérald thấy chống không nổi Âu-Cơ-Ninh nên bỏ cuộc tranh cử. Không bút nào tả siết sự mừng rỡ phấn chấn của người công giáo sau cuộc bầu cử này. Sáu vạn dân Ái từ khắp quận Clare đến đầu phiếu, tay cầm ngành lá, rước Âu-Cơ-Ninh đi khắp phố thành Ennis hai bên nhà cửa đều treo cờ và trang hoàng rực rỡ. Thật là một cuộc khải hoàn vẻ vang trong đời hoạt động của Âu-Cơ-Ninh.

Cuộc bầu cử này, chẳng nói ai cũng hiểu, đã có một hiệu lực quan hệ trọng cuộc chiến đấu giữa người công giáo và phản giáo. Người công giáo hiểu rằng đã tiến được một quãng

đường dài đến mục đích giải phóng và đòi lại quyền tự do bình đẳng. Người phản giáo thì cũng cảm thấy rằng thế bên địch càng ngày càng mạnh và đã chiếm được một căn cứ vững vàng để tấn công sau này. Vì thế nên tuy các chủ điền cũng có hành hạ, đuổi vài người tá điền công giáo để báo thù sự thất bại mình, lại đảng Orangistes cũng tổ chức những cuộc biểu tình ngoài đường như muốn dọa nạt cả chính phủ lẫn người công giáo, nhưng cũng không tránh được cái kết quả tự nhiên của cuộc đắc thắng này.

Quả nhiên, năm sau (1829) hội-Nghị Đế-Quốc mở vào tháng hai, chú ý ngay đến vấn đề này, và đến tháng năm năm sau, ra một đạo luật giải phóng cho người công giáo trên khắp nước Anh.

Nhưng thế không phải là Âu-Cơ-Ninh có quyền tự tiện vào Nghị Viện ngay. Trong đạo luật trên kia, có một điều khoản rõ ràng là muốn làm ngăn trở cho Âu-Cơ-Ninh, nói rằng chỉ những người công giáo được tuyển cử sau đạo luật này thì mới được nhập Nghị-Viện mà thôi. Âu-Cơ-Ninh muốn cãi để đòi lấy quyền lợi mình nhưng không được đành phải ra ứng cử lại. Và mặc dầu chính phủ muốn cản trở nên đã tăng xuất thuế dự định cho được tư cách tuyển cử gấp năm khi trước, Âu-Cơ-Ninh lại được bầu cử ở quận Clare.

Từ đó về sau, Âu-Cơ-Ninh luôn luôn làm đại biểu cho xứ mình: năm 1830 về ứng cử nơi quê quán là quận Kerry, từ năm 1832, đến năm

1835, được bầu ở Dublin rồi đến quận Kilkenny, từ 1835 lại trở về Dublin, đến năm 1841, thì làm đại biểu cho quận Cork và được cử làm thị trưởng thành Dublin.

Nhưng bao nhiêu công việc quốc gia, bao nhiêu nỗi lo lắng cho dân chúng đã bắt Âu-Cơ-Ninh phải trễ nải việc riêng của mình, lại phần gia sản của bác O'Taurice để lại cho ở Darrynane cũng không đủ mà cung vào món phí tổn trong gia đình. Vì thế nên dân Ái muốn đền ơn nhà chí-sĩ đã hy sinh mình vì nước, lại vừa để cho Âu-Cơ-Ninh rảnh trí làm việc chung, mỗi năm hằng giúp cho một món tiền rất lớn, lắm khi đến hai vạn đồng kim bảng.

Bởi đó mà kẻ thù của Âu-Cơ-Ninh lắm khi chỉ trích và đặt tên là : « Vua ăn mày ». Âu-Cơ-Ninh trong một bức thư trả lời, sau khi kể những công việc mình đảm đang, vì dân, vì nước, nói rằng :

« Đó là những công cuộc tôi đã làm và những nỗi khốn khổ, tôi đã chịu vì xứ Ái-Nhĩ-Lan. Còn bây giờ, quê hương tôi muốn báo ơn hay bạc ngãi là việc khác ; mà kẻ nào đã trách tôi lấy tiền công thì thật là không có lấy một chút luân-lý thông thường nó dạy ta rằng kẻ làm công thì có quyền nhận tiền công. Nhất là kẻ ấy là người không hiểu rằng có nhiều công việc không thể trả bằng tiền được. Thật đấy, tôi dám nói lớn rằng tôi là một đầy tớ ăn lương của Ái-Nhĩ-Lan và tôi rất lấy làm danh giá đấy ».

Bước gian nan.

Sau khi giải quyết được vấn đề giải phóng cho người công giáo, Âu-Cơ-Ninh vào khoảng năm 1830, 1831, lúc dân Ái lâm vào nạn đói vì khoai tây mất mùa, còn vận động xin Chính Phủ Anh miễn cho dân Ái công-giáo khỏi số thuế thập-phần vẫn phải đóng cho giáo-sĩ phản-giáo là kẻ nghịch thứ nhất của tôn giáo mình. Nhưng chỉ được giảm số thuế mà thôi, mãi gần bốn mươi năm về sau (1868) món thuế này mới bãi bỏ hẳn.

Từ lúc vào được Nghị-Viện, Âu-Cơ-Ninh chỉ còn một một mục đích là gắng công tận lực để giải quyết vấn đề đòi lại quyền tự trị cho dân Ái. Trong cuộc chiến đấu này Âu-Cơ-Ninh đã phải công kích thẳng đến tính ích kỷ của dân Anh có tiếng là rất vụ-lợi, sẵn lòng bước qua cả công-lý và nhân-nghĩa, vì thế nhà chí-sĩ Ái đã lâm vào bước gian nan sẽ kể sau đây.

Vào hồi năm 1830-1831, Âu-Cơ-Ninh tổ chức những cuộc biểu-tình phản-đối vấn đề hợp-quốc và yêu cầu Chính phủ Anh trả quyền tự-trị cho dân Ái. Cuộc vận động đã nhiều lần phải đụng chạm đến quyền-lực chánh phủ, nhiều cuộc biểu tình đã bị cấm hay bị giải tán bằng quân-lực. Chính mình Âu-Cơ-Ninh đã phải đòi ra trước tòa án, nhưng vì nhằm vụ tuyển cử, phe tự-do đang cầm quyền muốn được lòng dân Công-giáo, nên bỏ không truy tố nữa.

Đến năm 1843, Âu-Cơ-Ninh lại tấn công kịch-

liệt nữa bằng những cuộc biểu tình vĩ-đại trên khắp đất Ái-Nhĩ-Lan, muốn bắt chính phủ phải để ý đến dư-luận quốc-dân. Những cuộc biểu tình này được dân Ái hoan nghênh nhiệt liệt và bỏ cả công việc mà đi dự. Ngày 18 Mai, Âu-Cơ-Ninh chủ-tọa cuộc biểu-tình ở Charlwille có ba vạn người dự, ngày 21 diễn thuyết ở Cork trước năm vạn thính-giả, ngày 23 ở Cashel và ngày 25 ở Nerragh, cử-tọa cũng đông như thế và đến ngày 15 tháng Tám ở Tara, cuộc biểu tình dã hội họp đến bảy vạn dân Ái.

Sau hết, Âu-Cơ-Ninh dự-định tổ-chức ngày 8 tháng 8 ở Clontarf, một cuộc biểu tình khổng-lồ lớn hơn mấy lần trước. Nhưng lần này, chính phủ Anh quyết can-thiệp nên tập-trung quân-đội để giải tán bằng cường-lực. Vì thế nên Âu-Cơ-Ninh phải theo lời ủy-ban hành-động mà tuyên bố cho dân Ái phải ai ở nhà nấy và cuộc biểu-tình dự-định phải bỏ.

Ngày 12 tháng 8, Âu-Cơ-Ninh được tin bị truy tố về tội đại-nghịch. Tin này làm Âu-Cơ-Ninh cũng phải giật mình và nói cùng người bạn thân rằng :

« Tôi vẫn biết các quan tổng-trưởng chẳng còn kiêng nể gì nữa, nhưng cũng không ngờ mà họ đi đến nước này. Nay đã đến thế này thì tôi chỉ còn mời cha giải tội và dọn mình chết nữa thôi. Vụ án này sẽ làm cho vấn đề tự-lập nước Ái tiến lên hay thối lui một bước rất dài ».

Nhưng tin này không đúng và vài hôm sau, Âu-Cơ-Ninh được biết mình sẽ bị truy-tố về tội âm-mưu mà thôi. Nhà chí sĩ liền viết một bản

tuyên cáo đồng bào biết mình bị ra tòa, và khuyên ai nấy phải giữ cho được hoàn toàn yên ổn.

Ngày 15 tháng giêng 1844, có tin đồn ở Dublin rằng Âu-Cơ-Ninh đã bị đòi ra tòa án cùng với người con trai là John Âu-Cơ-Ninh, với sáu người bạn nữa về tội âm-mưu đề dọa nạt chính phủ, làm ngừng trệ việc tài-phán, phá kỷ-luật quân-ngũ và gieo sự hiềm khích giữa các công dân hai xứ Anh, Ái.

Vụ án kéo dài, và nguyên việc lấy cung khai các người làm chứng cũng mất hơn mười ngày.

Âu-Cơ-Ninh không muốn có luật sư nào biện hộ cho mình cả. Ngài chỉ đem kể lại những nỗi oan ức xứ Ái-Nhĩ-Lan phải chịu và biện rằng công cuộc mình theo đuổi là hợp công lý, và việc đòi lại quyền tự-lập cho dân Ái không gọi được là âm-mưu.

Nhưng Âu-Cơ-Ninh dự hiểu có cãi cũng bằng thừa, khi đoàn bồi-thẩm toàn là người đảng Orangistes cả. Người Ái thường nói : « Nếu họ phải xử đến chính mình Chúa Cứu Thế, mà nếu có lợi cho họ, thì họ cũng lên án phạt nữa ».

Vì vậy Âu-Cơ-Ninh bị án phạt một năm tù và hai nghìn kim bảng. Mấy lần trước ông còn nộp được tiền bảo-chứng, và được tự-do, nhưng lần này phải ở tù. Song ở đó ông cũng hơi thong thả được tiếp các khách vào thăm và cố nhiên có rất nhiều người đến thăm Âu-Cơ-Ninh vẫn giữ vẻ thản nhiên bình tĩnh luôn. Có người hỏi rằng :

— " Chắc ngài ở đây lại lắm khách hơn ở đằng nhà đấy nhỉ. "

— Dạ vâng, Âu-Cơ-Ninh vui vẻ đáp, nhưng khốn nỗi ở đây thì chịu không thể nào nói rằng mình không có ở nhà được.

Nhưng Âu-Cơ-Ninh vẫn chống án lên đến Thượng-Nghị-Viện ở Luân-Đôn. Vậy nên một ủy-ban nghị-viện xét lại và bác án này đi, viện cớ rằng bồi thẩm đã không được chọn theo chính thức, và các cáo-tố yêu-kiện không chính đáng.

Mồng bẩy tháng 9, các tù phạm đều được tha về. Từ sáng sớm, dân chúng tụ lại đầy hai bên đường từ cửa ngục Richmond Pénitentiary cho đến nhà Âu-Cơ-Ninh ở Merrion Squarre, mặc dầu giời mưa tầm tã. Đến mười giờ, bỗng hết mưa và nắng lên thì cửa ngục cũng vừa mở. Âu-Cơ-Ninh cùng các bạn bước ra giữa tiếng reo hò của dân chúng và khúc đường từ ngục thất đến nhà thật như một cuộc khải hoàn của chiến sĩ thắng trận về nước giữa tiếng hoan hô nhiệt-liệt các đồng bào.

Bước đường cùng

Vụ án mới kể trên dường như đã kết liễu cuộc đắc thắng trong đời hoạt động của Âu-Cơ-Ninh và bắt đầu một quãng đường thất bại đau thương, mà nhà chiến sĩ Công-giáo đã phải qua trước khi đến chỗ nghỉ ngơi.

Lòng tin cậy nhiệt thành của dân chúng đối với tài-lực và thanh-thế của Âu-Cơ-Ninh cũng vì vụ ná trên mà giảm bớt đi nhiều. Lắm người dân

Ái như bọn O'Brien, O'Connor, đều thất vọng về phương pháp chính trị « bất bạo động » của Âu-Cơ-Ninh, và cho rằng muốn đòi lại quyền tự lập cần phải dùng đến cường lực thì mới được. Vì thế có người phản đối Âu-Cơ-Ninh, có người lại muốn gây ra một cuộc cách mạnh như ở Pháp hồi 1789.

Cả đến phe ôn-hòa cũng tỏ ý bất mãn về chính sách của Âu-Cơ-Ninh đã lắm bận từ chối những bảo-đảm mà chính phủ Anh muốn cho người Công-giáo để lấy lòng vì Âu-Cơ-Ninh muốn đòi cho được tất cả lợi quyền chớ không chịu lấy một phần mà thôi. Các vị Giám mục và chính vị Tổng-giám-mục thành Dublin cũng bất đồng ý với Âu-Cơ-Ninh ở chỗ đó.

Nhưng cuộc thất bại đau đớn nhất cho Âu-Cơ-Ninh là vào năm 1847. Đã hai năm liền, xứ Ái-Nhĩ-Lan bị mất mùa, dân chúng hoặc chết đói, hoặc di cư sang nước Mỹ đến hai triệu người tình cảnh thật là khốn đốn. Âu-Cơ-Ninh ở Nghị-Viện đã dùng hết thế lực và tài hùng biện để yêu cầu chính phủ Anh trích ra một món tiền, đem dùng vào việc công bên Ái mà giúp dân đói. Âu-Cơ-Ninh đã hết sức hành động nhưng nghị án này cũng bị bác đi.

Bao nhiêu nỗi đau thương gồm với sự mệt nhọc một đời chiến đấu, lại thêm tuổi quá bảy mươi, đã thắng nổi sinh lực bình thường mạnh mẽ của nhà chí sĩ. Hai hôm sau cuộc thất bại ở Nghị-Viện, Âu-Cơ-Ninh lâm bệnh nặng phải tính về xứ Ái. Các thầy thuốc đều chịu bó tay trước

bệnh tình này chỉ do ở kiệt lực mà ra; nên chỉ khuyên tìm một khí-hậu ấm-áp để nghỉ ngơi mà thôi. Âu-Cơ-Ninh cũng nghe lời, và định ngày lên đường sang Ý vừa để có dịp chầu đức Giáo-Hoàng Pio IX một thể.

Khi đi qua nước Pháp, ngài nghỉ lại vài ngày ở kinh thành Ba-lê. Ở đó, một đoàn đại biểu người công giáo đến chào nhà chí sĩ Ái và bá-tước Montalembert một nhà chiến sĩ oanh liệt đương thời ở Pháp. đọc một bài chúc-từ thống thiết, xin trích một đoạn sau đây.

...«Sự vinh quang của ngài chẳng phải thuộc về xứ Ái-Nhĩ-Lan mà thôi, mà là của chung cho mọi người công giáo khắp hoàn cầu. Nơi nào các người công giáo đã thức tỉnh mà đòi lấy lại tư-cách và quyền-lợi tư-dân, ấy là nhờ ảnh hưởng của ngài. Chỗ nào tôn-giáo đã cố gắng trút khỏi cái ách của nhà ngụy-biện đã đặt cho từ mấy thế hệ, ấy trước là nhờ Chúa, sau cũng là nhờ ngài mà được vậy. Dám mong rằng ý tưởng này sẽ đem lại cho ngài sức mạnh trong lúc đau-đớn bệnh tật, và an ủi ngài trong nỗi khổ tâm của lòng ái quốc của ngài.

« Tấm lòng kính yêu của nước Pháp công giáo sẽ theo ngài trong cuộc hành trình đến La-mã. Ngày mà ngài sẽ được trình diện Đức Piô IX, khi nhà đại giáo hữu trứ danh nhất thời sẽ quỳ dưới chân một đức Giáo-Hoàng đã nhắc lại cho thời-đại ta những thời-kỳ vẻ vang nhất trong sử-ký hội Thánh, ấy sẽ là một việc trọng-đại của lịch-sử hiện-thời vậy. Trong phút vô cùng cảm-

động ấy, nếu tấm lòng ngài còn có thể có một tư tưởng nào mà không thuộc về La-mã hay Ái-Nhĩ-Lan, thì xin hãy nhớ đến chúng tôi: lòng thành kính và tận-tâm của dân công giáo Pháp đối với Cha chung giáo hữu thật không khi nào được dâng lên cách xứng đáng hơn bằng miệng một nhà công giáo đã giải phóng cho nước Ái-Nhĩ-Lan vậy ».

Âu-Cơ-Ninh chỉ trả lời được câu này:

« Thưa các ngài, sự đau yếu và sự cảm động làm tôi nói không được. Tôi cần phải có cái tài hùng biện của trưởng đoàn các ngài thì mới cảm ơn các ngài cho xứng được; nhưng thật không thể nào tả hết được những cảm giác của tôi bây giờ, chỉ xin các ngài biết cho rằng tôi lấy cuộc gặp gỡ này làm một cái hân hạnh lớn trong đời tôi vậy ».

Bệnh tình sau một kỳ giảm bớt lại thăng lên và Âu-Cơ-Ninh cũng không còn hy-vọng sống nữa. Có ai nói đến chuyện lành-mạnh thì ông chỉ buồn rầu mà lắc đầu. Sau khi qua thành Lyon và Marseille và được các đại biểu công-giáo hoan nghênh nhiệt liệt, Âu-cơ-Ninh tới thành Gênes nước Ý ngày mồng 7 tháng 5. Đến đây cơn bệnh đã quá trầm trọng nên Âu-Cơ-Ninh đành phải bỏ cuộc hành trình mà dọn mình chết.

Trong lúc hấp hối, tư tưởng nhà chí-sĩ công-giáo vẫn quay về La-mã và yêu cầu sau khi đã qua đời, đem trái tim ướp thuốc để dâng cho Đức Thánh Cha. Đó là lời nói cuối cùng của nhà hùng biện đại tài này, sau chỉ còn nhắm mấy tên cực

trọng *« Giêsu, Maria »* cho đến khi linh hồn về cùng Chúa.

Tin nhà chí sĩ oanh liệt đã tạ thế lan ra khắp thế giới công giáo và tên Âu-Cơ-Ninh đã được ca tụng khắp nơi. Ở La-mã, Đức Giáo-Hoàng dạy cử hành một cuộc tang lễ long trọng và cha Ventura một nhà hùng-biện trứ-danh đọc một bài điếu văn hùng-hồn. Ở Ba-lê người công giáo cũng xin một lễ-mở trọng thể và chính cha Lacordaire đã nhắc lại công danh vị chiến-sĩ mới qua đời. Xác Âu-Cơ-Ninh được đem về Ái-Nhĩ-Lan, và cuộc lễ tống-chung ở Dublin đã nhắc lại những ngày khởi hoàn vẻ vang nhất cho nhà chí sĩ công giáo khi sinh thời.

Nay hài cốt Âu-Cơ-Ninh an nghỉ tại đất thánh Glasnevin và danh của Âu-Cơ-Ninh đã thành như *biểu hiệu cho một nhân cách cao thượng, một nhà công giáo dũng cảm, và một anh hùng cái thế đáng làm gương cho thanh-niên công-giáo khắp nơi và muôn đời.*

HẾT

SÁCH NÀY IN XONG
NGÀY 28-5-45 TẠI NHÀ
IN TRƯỜNG-PHÁT
NAM-ĐỊNH
kiểm-duyệt ngày 12-5-45

Hãy đọc và ủng-hộ

THANH-NIÊN

GIÁO-DỤC — VĂN-CHƯƠNG — HOẠT-ĐỘNG

MỖI THÁNG RA BA KỲ : NGÀY 1, 11 VÀ 21

Chủ-nhiệm : PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM

Chủ bút : PHẠM-ĐÌNH-TÂN

Giá báo :

Một uăm : **88$00**

Sáu tháng : **20$00**

Giá ủng-hộ : **100$00**

BẢO QUÁN :

40-42, đường Duval de Sainte Claire

NAM-ĐỊNH

Thư từ và ngân phiếu, xin gửi cho :

Ô. PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM

CHỦ-NHIỆM QUẢN-LÝ

40-42, Duval de Sainte Claire

NAM-DINH

Tổng phát hành ở HANOI :

83, phố nhà rượu (Sergent Larrivée)

THANH - NIÊN TÙNG - THƯ

Bộ sách có bảo-đảm chắc chắn về
Đạo-đức — Tư tưởng — Văn chương
— để giúp việc —
Tu đức — Khảo cứu — Hành động
— của —
Thanh-niên Công-giáo Việt-Nam

Đã xuất bản :

— Gương ái-quốc Công-giáo : **Âu-Cơ-Ninh** giá 2$50

Sẽ xuất bản :

— Nhà anh-hùng cứu-quốc công-giáo đại-danh : **MÔ - RÊ - NÔ,** thủ tướng xích-đạo.

— Người Công-giáo Việt-Nam với Tổ-Quốc : **Nguyễn - Trường - Tộ.**

— **Muôn nên Người,** một chương trình giáo-dục, hoàn bị cho thanh-niên thế kỷ XX.

— **Thành Tâm** cuốn sách đạo đức đơn giản nhưng triết-lý cao-siêu.

Các điều hỏi : **Báo THANH-NIÊN**
40-42 Phố Duval de Sainte Claire
NAM-ĐỊNH

Được phép ra trước nghị định ngày 13-12-41. Do nghị-định số 206 I. P. P., ngày 30-4-45, sửa đổi lại.

Quản-lý : PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM

Giá : 3$50